

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG
Số: 206/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc
Hải Châu, ngày 24 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn T** – Sinh năm 1989.

Trú tại: 408/35A đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Ngô Thị V** - Sinh năm 1982.

Trú tại: 402/2A đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ngô Thị V và ông Nguyễn T tự nguyện kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (số 126/2011, quyển số 1/2012) là hợp pháp, các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Bà Ngô Thị V và ông Nguyễn T thống nhất thỏa thuận: giao 02 con chung là Nguyễn H – sinh ngày 18.12.2011 và Nguyễn Anh T – sinh ngày 30.10.2018 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi

02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con/01 tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng việc nuôi con kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như trên của bà V và ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị V và ông Nguyễn T thống nhất không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Ngô Thị V và ông Nguyễn T phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận bà Ngô Thị V và ông Nguyễn T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Bà Ngô Thị V và ông Nguyễn T thống nhất thoả thuận giao 02 con chung là Nguyễn H – sinh ngày 18.12.2011 và Nguyễn Anh T – sinh ngày 30.10.2018 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con/01 tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng việc nuôi con kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các bên vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Ngô Thị V và ông Nguyễn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Ngô Thị V và ông Nguyễn T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007299 ngày

17.7.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà Ngô Thị V và ông Nguyễn T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Thảo